

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quần thể du lịch lịch sử, sinh thái và tâm linh tại khu vực chùa Linh Phong (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế tại Tờ trình số 13/TTr-HĐBT ngày 16/4/2020 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 326/TTr-STNMT ngày 05/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quần thể du lịch lịch sử, sinh thái và tâm linh tại khu vực chùa Linh Phong (giai đoạn 2), như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **9.926.368.520 đồng** (Chín tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi đồng); trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 9.627.562.153 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

+ Hỗ trợ tiền thuê nhà ở : 40.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

+ Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có) : 47.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm)

+ Chi phí phục vụ giải phóng mặt bằng (2%) : 192.551.243 đồng

+ Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế (0,2%) : 19.255.124 đồng

- Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

2. Về tái định cư:

- Bố trí 13 lô đất ở tái định cư cho 07 hộ gia đình và 06 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ; tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 4.946.080.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm)

Điều 2. Ban Quản lý Khu kinh tế, cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 06/11/2018, số 3979/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 và số 1788/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT N.P.Long;
- PVP QT;
- Lưu: VT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Phụ lục I
GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
DỰ ÁN QUẢN THỂ DU LỊCH LỊCH SỬ, SINH THÁI VÀ TÂM LINH
TẠI KHU VỰC CHÙA LINH PHONG (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên hộ/tổ chức bị ảnh hưởng	Địa chỉ	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
1	Võ Quý (chết) Nguyễn Thị Trúc	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	2.927.688.075
2	Nguyễn Đức Thông Cao Thị Diệp	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	2.989.977.673
3	Nguyễn Thanh Hùng Tô Thị Mỹ Dung	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	330.826.290
4	Huỳnh Công Hiệp Trần Thị Hồng Hoa	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	175.112.026
5	Trần Văn Phương Nguyễn Thị Hào	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	17.462.000
6	Trần Văn Chương Nguyễn Thị Phần	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	3.188.100
7	Đặng Thành Tâm Phan Thị Bê	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	8.857.600
8	Võ Tấn Quý Nguyễn Thị Bộ	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	15.002.000
9	Phan Đức Kiên Võ Thị Tám	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	14.324.730
10	Trần Đức Sa	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	2.610.000
11	Trần Văn Phương Trần Thị Chín	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.166.406.639
12	Nguyễn Anh Trần Thị Thanh Nga	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	22.200.000
13	Phan Văn Căng Đinh Thị Phú	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	131.473.720
14	Huỳnh Sáu	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	0
15	Nguyễn Ngọc Minh Lê Thị Ngọc	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	84.686.313
16	Trần Ngọc Nhân Võ Thị Sáu	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	20.969.720
17	Phan Thanh Xuân Nguyễn Thị Lan	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	4.733.000

Stt	Họ và tên hộ/tổ chức bị ảnh hưởng	Địa chỉ	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
18	Nguyễn Văn Hùng Phan Thị Thúy	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	3.879.000
19	UBND xã Cát Tiến	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	1.602.167.710
20	Trần Đình Minh	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	35.935.096
21	Trần Thanh Tân	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	23.163.484
22	Võ Duy Đôn	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.690.000
23	Trần Nhi	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	8.848.978
24	Mộ vô chủ		30.360.000
Tổng cộng			9.627.562.153

Phụ lục II

GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ Ở DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN QUẦN THỂ DU LỊCH LỊCH SỬ, SINH THAI VÀ TÂM LINH TẠI KHU VỰC CHÙA LINH PHONG (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà (đồng)
1	Võ Quỳ (chết) Nguyễn Thị Trúc	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	12.000.000
2	Nguyễn Đức Thông Cao Thị Diệp	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	12.000.000
3	Nguyễn Thanh Hùng Tô Thị Mỹ Dung	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	8.000.000
4	Huỳnh Công Hiệp Trần Thị Hồng Hoa	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	8.000.000
Tổng cộng			40.000.000

Phụ lục III

**GIÁ TRỊ THƯỞNG GIAO TRẢ MẶT BẰNG SỚM DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
DỰ ÁN QUẢN THỂ DU LỊCH LỊCH SỬ, SINH THÁI VÀ TÂM LINH
TẠI KHU VỰC CHÙA LINH PHONG (GIAI ĐOẠN 2)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giá trị thưởng (đồng)	Ghi chú
1	Võ Quý (chết) Nguyễn Thị Trúc	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà
2	Nguyễn Đức Thông Cao Thị Diệp	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà
3	Nguyễn Thanh Hùng Tô Thị Mỹ Dung	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà
4	Huỳnh Công Hiệp Trần Thị Hồng Hoa	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà
5	Trần Văn Phương Nguyễn Thị Hảo	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
6	Trần Văn Chương Nguyễn Thị Phấn	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
7	Đặng Thành Tâm Phan Thị Bê	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
8	Phan Đức Kiên Võ Thị Tám	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
9	Trần Văn Phương Trần Thị Chín	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà
10	Huỳnh Sáu	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
11	Nguyễn Ngọc Minh Lê Thị Ngọc	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
12	Trần Ngọc Nhân Võ Thị Sáu	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
13	Nguyễn Văn Hùng Phan Thị Thúy	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
Tổng cộng			47.000.000	

Phụ lục IV

BỐ TRÍ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CẤP VỢ CHỒNG BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN QUẦN THỂ DU LỊCH LỊCH SỬ, SINH THÁI VÀ TÂM LINH TẠI KHU VỰC CHÙA LINH PHONG (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Đơn giá đất giá thị trường (đồng/m ²)		
I	Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2)									
1	Võ Quỳnh Nguyễn Thị Trúc	Phường Phi, Cát Tiến	2	Số 7	I	250	1.300.000		325.000.000	
2	Lê Tấn Được Võ Thị Kim Châu	Phường Phi, Cát Tiến	3	Số 7	I	150	1.300.000		195.000.000	
3	Võ Tấn Tám Đặng Thị Mai	Phường Phi, Cát Tiến	4	Số 7	I	100	1.300.000		230.000.000	
						50		2.000.000		
4	Võ Thị Loan Phượng Trần Bá Tùng	Phường Phi, Cát Tiến	5	Số 7	I	150		2.000.000	300.000.000	
5	Nguyễn Thị Thu Loan	Phường Phi, Cát Tiến	6	Số 7	I	150		2.000.000	300.000.000	
6	Nguyễn Thanh Hùng Tô Thị Mỹ Dung	Phường Phi, Cát Tiến	19	Số 9	F	100		2.500.000	250.000.000	
7	Huỳnh Công Hiệp Trần Thị Hồng Hoa	Phường Phi, Cát Tiến	20	Số 9	F	100		2.500.000	250.000.000	

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Đơn giá đất giá thị trường (đồng/m ²)		
8	Trần Văn Thành Lý Thị Hương	Phường Phi, Cát Tiến	21	Số 9	F	100		2.500.000	250.000.000	
9	Trần Thị Thanh Nga Nguyễn Anh	Phường Phi, Cát Tiến	22	Số 9	F	100		2.500.000	250.000.000	
10	Trần Thị Thanh Tuyết Trần Xuân Cảnh	Phường Phi, Cát Tiến	23	Số 9	F	100		2.500.000	250.000.000	
II	Khu dân cư nông thôn Cát Tiến (Khu 2,7ha)									
1	Nguyễn Đức Thông Cao Thị Điệp	Phường Phi, Cát Tiến	31	Số 3	A	247	3.200.000		948.480.000	Lô góc
2	Nguyễn Đức Toàn Dương Thị Lệ Thu	Phường Phi, Cát Tiến	30	Số 3	A	200	3.200.000		640.000.000	
3	Nguyễn Đức Tú Nguyễn Thị Ánh	Phường Phi, Cát Tiến	29	Số 3	A	53	3.200.000		757.600.000	
						147		4.000.000		
Tổng tiền sử dụng đất hộ phải nộp									4.946.080.000	